

Cơ cấu xã hội và mức sinh: một dạng phân tích

KINGSLEY DAVIS
JUDITH PLAKE

Một đặc tính của những vùng chậm phát triển là hầu hết đều cho thấy một mức sinh cao hơn ở những xã hội đô thị - công nghiệp. Thực tế này đã được minh chứng song lại chưa được phân tích đầy đủ nó được coi là gắn liền với những khác biệt sâu sắc trong tổ chức xã hội cũng như giữa hai kiểu xã hội và do vậy nó đặc trưng cho xã hội học so sánh về sinh đẻ tuy nhiên, sự tương phản chủ yếu và rõ ràng có thể không cho phép che lấp một thực tế quan trọng là những vùng chậm phát triển khác nhau rõ rệt về tổ chức xã hội, những khác biệt này có vẻ mang theo những biến số về mức sinh. Mặc dù những thống kê về nhân khẩu ở những vùng lạc hậu nhìn chung là nghèo nàn cũng như đáng ngờ về giá trị không nhất quán trong báo cáo, vẫn có những trường hợp đáng tin cậy. (như trường hợp giữa Puerto Rico Jamaica, hoặc Arab Palestine và Ceylon). Điều quan trọng là những trường hợp mà các xã hội với cách tổ chức xã hội khác nhau lại có mức sinh như nhau để chúng có thể đạt được kết quả chung bằng những cơ chế tổ chức hoàn toàn khác nhau. Tất cả điều đó chứng tỏ rằng một cơ hội lớn cho việc phân tích so sánh về cấu trúc xã hội đang tồn tại vì nó ảnh hưởng đến mức sinh. Do sinh đẻ trong khuynh hướng dân số mai sau dựa trên phát triển kinh tế, việc theo đuổi phân tích như vậy có đặc trưng cả về thực nghiệm cũng như về lý thuyết.

Bài viết này cho thấy sự cố gắng đặt ra và sử dụng một khung phân tích cho xã hội học so sánh về sinh đẻ. Trước hết, nó đưa ra một phân loại về các biến trung gian qua đó các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến mức sinh. Sau đó nó cố gắng cho thấy trên bình diện rộng một số kiểu và một số yếu tố tổ chức xã hội diễn biến như thế nào thông qua các biến số này và nó làm cho mức sinh trong xã hội tăng lên hay giảm đi. Chúng ta hy vọng rằng thông tin xã hội học và nhân khẩu học ngày càng đầy đủ và lý thuyết được nâng cao đến mức tinh tế hơn và được kiểm nghiệm qua thực tế.

NHỮNG BIẾN SỐ TRUNG GIAN

Quá trình sinh đẻ nhất thiết bao gồm qua 3 bước đầy đủ rõ ràng đã được nhận thức trong văn hóa của loài người(1) Quan hệ tình dục(2), Thụ thai(3), Thai nghén và sinh đẻ(4). Trong phân tích những ảnh hưởng văn hoá đối với mức sinh, người ta có thể bắt đầu bằng những yếu tố trực tiếp với 3 bước này. Các nhân tố đó sẽ được thông qua và cho có thông qua những điều kiện văn hóa để ảnh hưởng đến mức sinh. Do đó, bằng những cách thích hợp, chúng có thể được gọi là "các biến số trung gian" và có thể được thể hiện một cách ngắn gọn như sau:

I. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc bộc lộ quan hệ tình dục (Các biến số về quan hệ tình dục)

A. Những nhân tố này điều chỉnh sự hình thành và tan rã của các cặp trong thời kì sinh đẻ⁽⁵⁾

1. Tuổi bước vào quan hệ tình dục
2. Độc thân vĩnh viễn; Tỷ lệ những phụ nữ không bao giờ bước vào quan hệ tình dục
3. Số bất lực trong thời kỳ sinh đẻ sau hoặc trong khi chung sống của các cặp
 - a. Khi các cặp bị phá vỡ do ly hôn, ly thân hoặc bỏ rơi nhau
 - b. Khi các cặp bị phá vỡ do người chồng bị chết.

B. Những nhân tố điều chỉnh sự tồn tại quan hệ tình dục của các cặp

4. Kiên trì tự nguyện
5. Kiên không tự nguyện (do bất lực, ốm đau, không kiên nhưng tạm thời phải sống xa nhau)
6. Tần số giao hợp (bao gồm cả thời kỳ kiêng cử)

II. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng biện pháp tránh thai (những biến số tránh thai).

7. Mẫn đê hoặc không mẫn đê bị ảnh hưởng bởi những lý do không tự nguyện 8. Sử dụng hoặc không sử dụng những biện pháp tránh thai

- a. Bằng những phương pháp cơ học hoặc hóa học
- b. Bằng các phương pháp khác.

9. Mẫn đê hoặc không mẫn đê bị ảnh hưởng bởi những lý do tự nguyện (triệt sản, tiểu phẫu hoặc dùng các phương pháp y tế khác, v.v..).

III. Những phương pháp khác ảnh hưởng đến mang thai và sinh đẻ hoàn chỉnh (nhưng biến số thai nghén).

10. Chết bào thai do những lý do không tự nguyện
11. Chết bào thai do những lý do tự nguyện

Điều đó rõ ràng hơn bất kỳ một nhân tố văn hóa nào là những ảnh hưởng đến mức sinh phải tiến hành thông qua một số kiểu nay hoặc khác của 7 biến số trung gian. Do đó nhân tố cung cấp một khuôn mẫu thích hợp đôi với mức sinh sau các nhân tố văn hóa cần được xem xét. Thực ra những cố gắng nhằm giải thích những mối quan hệ nhân quả giữa các thiết chế và mức sinh thiếu một khuôn mẫu như vậy đã dẫn đến những bài viết không còn sức thuyết phục và lẫn lộn về chủ đề này. Những nhân tố văn hóa? hoặc có thể là những "biến số tùy thuộc" đã không được một nỗ lực nào để phân loại chúng ở đây; nhưng các "biến số trung gian" đưa ra biện pháp tiếp cận để lựa chọn và phân tích những nhân tố này. Rõ ràng mỗi biến số trong 7 biến số đều có thể là phủ định (giảm đi) hoặc khẳng định thêm vào) ảnh hưởng đối với mức sinh. Nếu bằng cách xem xét toàn bộ các xã hội, chúng ta có thể tìm thấy hàng loạt những ảnh hưởng của các biến số đã cho ảnh hưởng nghiêng về tính phủ định hơn sẽ nằm ở phía thêm vào. Thí dụ, nếu ở một xã hội sử dụng biện pháp tránh thai một cách có hiệu quả nó sẽ có một giá trị giảm đi đối với biến số 8, nếu xã hội không sử dụng biện pháp tránh thai nó sẽ có một giá trị thêm vào biến số này. Giá trị của mỗi biến số là ở chỗ nó ảnh hưởng đến mức sinh trong mọi trường hợp như thế nào, vì vậy

một cách sử dụng tích cực một biện pháp nào đó (ví dụ biện pháp tránh thai, nạo thai, kiêng) có thể có nghĩa là nó có một giá trị sinh đẻ "giảm đi".

Người ta không thể nói như vẫn thường thấy trong các tài liệu rằng một vài biến số đang ảnh hưởng đến mức sinh ở xã hội này nhưng lại không ảnh hưởng ở xã hội khác. Tất cả các biến số đều có mặt ở mọi xã hội. Bởi vì như đã đề cập ở trên, tại đây mỗi một biến số có thể làm giảm hoặc tăng mức sinh. Nếu như nạo thai không được thực hiện thì giá trị về mức sinh của biến số 11 là "thêm vào". Nói cách khác, việc không hiện diện của một hành động đặc biệt không dùng để chỉ cái "không tác động" đến mức sinh, bởi vì sự vắng bóng này vẫn là một hình thức có ảnh hưởng. Tiếp theo là vị thế của bất kỳ xã hội nào, nếu đề cập đến tổng thể thì phải được đề cập dựa trên tất cả 11 biến số.

Các xã hội khác nhau trong cách tổ chức không nhất thiết có sự khác nhau trong giá trị của mức sinh đối với toàn bộ các biến số. Trên một số biến chúng có thể biểu hiện những giá trị hoàn toàn giống nhau. Một bộ lạc du cư có thể có tuổi kết hôn tương tự như một làng nông nghiệp định canh định cư; một nhóm người nguyên thủy có thể thực hiện phá thai với cùng tỷ lệ như một xã hội công nghiệp. Tuy nhiên, hai xã hội trái ngược nhau biểu thị các giá trị đối với toàn bộ các biến số là không giống nhau, chúng không biểu thị giống nhau 7 biến số trong khi nhìn chung mức sinh của chúng trên thực tế là như nhau. Tỷ suất sinh tính dựa trên sự cân bằng của các giá trị của toàn bộ biến số. Thông qua những xã hội với chiều hướng có mức sinh cao là nghiêng về phía thêm vào. Không có xã hội nào có giá trị thêm vào cao nhất ở tất cả 7 biến số; và những xã hội có mức sinh thấp chuyển sang tăng thêm con số của chúng.

Đĩ nhiên điều đó nhắc nhở rằng những ảnh hưởng văn hóa tác động đến 7 biến số của chúng ta không nhất thiết tiêu biểu cho những cố gắng về lý trí chế ngự mức sinh. Nhiều hậu quả về mức sinh xuất phát từ những điều kiện văn hóa - xã hội (đặc biệt ở những vùng chậm phát triển) đang là một sản phẩm bất ngờ và khó tiếp thu đối với các thành viên trong xã hội. Chắc chắn các nhà khoa học xã hội ngày nay biết rằng họ không thể chỉ giới hạn quan tâm của họ trong những hành động lý trí hoặc những hành động phi lý trí cũng như từ chối sự phân tích một cách hệ thống. Những đòi hỏi của một xã hội có thể được đáp ứng tốt hoặc chưa tốt bởi một mức sinh không chủ định cũng như có chủ định.

CÁC KIỂU THIẾT CHẾ VÀ CÁC BIẾN SỐ TRUNG GIAN PHÂN TÍCH SƠ BỘ

Từ quan điểm xã hội học so sánh, vấn đề quan trọng là những giá trị về mức sinh của những biến số trung gian đóng góp như thế nào vào các kiểu xã hội khác nhau. Điều khái quát chung là những xã hội chậm phát triển hướng đến có giá trị về mức sinh cao đối với các biến số 1, 2, 8 và 9 trên bảng danh sách; chúng cũng có thể có những giá trị cao đối với các biến số 3a, 3b, 11 và nó thường có những giá trị thấp đối với biến số 4 và 10. Đối với các biến số đang được duy trì 5, 6 và 7 thật khó chứng minh rằng có những sự khác nhau chắc chắn giữa những xã hội công nghiệp và tiền công nghiệp. Nếu sự khái quát này là chính xác thì nó trở nên có ý nghĩa để nhóm lại 7 biến số như sau:

Các biến số trung gian theo các giá trị của chúng ở các xã hội tiền công nghiệp.

Những giá trị luôn luôn cao.

1. Tuổi bước vào cuộc sống đôi lứa
2. Độ thân vĩnh viên

8. Sử dụng biện pháp tránh thai

9. Triệt sản, v.v...

Những giá trị luôn luôn thấp.

4. Kiên tự nguyện

10. Chết bào thai không tự nguyện

Những giá trị có thể cao hoặc thấp.

3a. Thời gian giữa cuộc sống đôi lứa không ổn định

3b. Độc thân sau góa bụa

11. Chết bào thai - tự nguyện

Những giá trị trung gian

5. Kiên không tự nguyện

6. Tần số giao hợp

7. Vô sinh không tự nguyện

Sau đó là phân tích chi tiết mỗi một nhân tố trong số những nhân tố này ảnh hưởng như thế nào đến mức sinh ở cả xã hội công nghiệp và không công nghiệp. Các tác giả đi tới những kết luận như sau).

KẾT LUẬN: THEO MÔ HÌNH CHUNG.

Bất kỳ sự phân tích các nhân tố thiết chế nào trong mức sinh trước hết cũng phải giải thích một thực tế rõ ràng là nhìn chung các xã hội chậm phát triển có tỷ lệ sinh cao hơn ở xã hội công nghiệp. Lời giải thích ngắn gọn là con người trong xã hội tiền công nghiệp phải đương đầu với mức chết cao vì vậy họ phải tăng cường một tổ chức có tính thiết chế đem lại cho họ một mức sinh đủ để tồn tại được. Tuy nhiên, phân tích ở mức độ như vậy đã không đưa chúng ta đi xa hơn được. Để nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố thiết chế, người ta cần phải phân chia quá trình sinh đẻ để nhận biết những cơ chế mà chỉ có qua đó một nhân tố xã hội mới có thể ảnh hưởng đến mức sinh. Với nỗ lực để làm điều này chúng tôi đã tìm ra 7 "biến số trung gian" Khi tiến hành phân tích theo hướng này đều được phát hiện ra là mức sinh nhìn chung cao tại các vùng chậm phát triển không có nghĩa là những vùng này khuyến khích mức sinh cao ở tất cả mọi phía. Như chúng ta đã biết, không có những giá trị thêm vào cao trên tất cả các biến số trung gian cho chúng. Vậy tại sao chung lại có những giá trị thấp ở một số phương diện còn một số phương diện khác lại không?

Có thể nhận ra một sự khác biệt về hệ thống giữa các xã hội phát triển và chậm phát triển bằng sự trôi nổi lên của 7 biến số. Nhìn chung, những xã hội tiền công nghiệp có những giá trị về mức sinh cao đối với những biến số đó đã được chuyển từ ý nghĩa thực của việc sinh đẻ và do đó nó chỉ ra toàn bộ viễn cảnh ưa thích đối với sinh đẻ. Ở mức độ lớn hơn so với xã hội công nghiệp, chúng hướng đến khuyến khích một cuộc sống tình dục sớm cho phép kết hôn ở lứa tuổi trẻ và một tỷ lệ kết hôn cao.

"Trong mỗi hoạt động tình dục" và đối với một người đàn ông Chagga "làm tình 10 lần một đêm không phải là điều lạ". Không có tài liệu nào nói về việc những thống kê khác lạ này được thu thập như thế nào hoặc những nhóm tuổi nào trong dân cư đang được nghiên cứu. Các tác giả chỉ nói một cách đơn giản "nó đã được báo cáo như vậy", hoặc "điều đó chẳng có gì lạ" v.v... Những báo cáo như vậy còn đáng ngờ hơn do những xã hội có một mức sống như nhau được báo cáo với những con số cực kỳ khác nhau. Một số nói là "một tuần lần" hoặc "một hoặc hai lần mỗi tuần" mà không kèm một lời giải thích nào là tại sao họ có

con số thấp như vậy còn những người khác lại cao tới 15 hoặc 20. (Op. cit... tr. 78, 79).

Như vậy họ để mất một ít mức sinh tiềm ẩn bằng cách trì hoãn hoặc tránh chung đụng. Sau khi hình thành các cặp có thể chung đụng, các xã hội này có khuynh hướng kiêng nhiều hơn là các xã hội công nghiệp (và do có những giá trị thấp hơn ở biên số 4), nhưng sự "chay tịnh về tình dục" như vậy nảy sinh do tôn giáo và những động cơ ma thuật hơn là do một phương pháp kiểm soát mức sinh có chú ý, và nó tỏ ra không đủ mạnh để có những ảnh hưởng phủ định thực sự đối với mức sinh.

Các xã hội chậm phát triển cũng có những giá trị về mức sinh cao ở những biên số thụ thai. Họ ít thực hiện các biện pháp tránh thai và không triệt sản. Do đó, có xu hướng hoãn việc có thai đến thời điểm muộn hơn trong quá trình sinh đẻ, nghĩa là một cặp vợ chồng muốn tránh việc có con thì những biện pháp gần với sinh đẻ - nạo thai và cho ra thai - được áp dụng. Trong những xã hội luôn kề bên sự thiếu thốn; điều này có lợi đối với thời điểm mà con cái phải được nuôi nấng.

Mặt khác, các xã hội công nghiệp biểu thị những giá trị thấp về mức sinh đối với các biên số bao gồm những giai đoạn đầu của quá trình sinh đẻ, đặc biệt là tuổi kết hôn, tỷ lệ kết hôn và sử dụng biện pháp tránh thai; và chúng biểu thị những giá trị cao về sinh đẻ đối với các biên số ở những giai đoạn sau, đặc biệt là việc cho ra thai. Hai kiểu xã hội biểu thị nhiều giá trị đối lập đối với nhiều biên số. Điều này là rõ ràng ở tuổi bước vào quan hệ lứa đôi ở tình trạng độc thân vĩnh viễn, ở sự kiêng cử tự nguyện, ở việc dùng biện pháp tránh thai và phá thai (nếu nó được coi là một biên số). Điều đó không nhất thiết chính xác vào thời điểm giữa hoặc sau khi có quan hệ lứa đôi, triệt sản hoặc nạo thai; vả dĩ nhiên những biên số đó cũng không mang đặc trưng là "trung gian" như kiêng không tự nguyện, tần số giao hợp hoặc vô sinh không tự nguyện. Những sự tương phản rõ ràng đang đòi hỏi một sự giải thích.

Điểm mấu chốt đối với tình trạng thực tế của các xã hội công nghiệp là, như đã so sánh với văn hóa của xã hội tiền công nghiệp, đã đạt được mức sinh thấp không phải bằng đòi hỏi những giá trị thấp về mức sinh đối với tất cả các biên số trung gian, mà bằng việc chọn ra những biến đặc biệt như là phương sách đưa lại kết quả đó. Các nước đó đã sử dụng phương sách giảm mức sinh bao gồm cả tổ chức về mặt thiết chế nhỏ nhất và việc tái tổ chức bao gồm cả những đòi hỏi tối thiểu của con người. Trong việc giảm chắc chắn tỷ suất sinh, các nước này dựa một cách mạnh mẽ vào việc kết hôn muộn hơn là vào việc không kết hôn. Họ ít dựa vào kiêng cử vì điều này tạo ra những đòi hỏi nặng nề đối với các cá nhân và họ dựa nhiều hơn vào các biện pháp tránh thai và nạo thai. Nói cách khác, họ đã tiến hành hạ thấp mức sinh, không phải bắt đầu bằng mở rộng hơn những ảnh hưởng 67 định của các biên số đã làm cho mức sinh giảm trong những giai đoạn tiền công nghiệp mà bằng việc sử dụng những cơ chế tổ chức sẵn có đối với hôn nhân và bằng việc sử dụng những khả năng công nghệ tiên tiến của họ cho việc kiểm soát sự thụ thai. Việc hoãn hôn nhân đã được phát triển một cách thuận lợi trong những giai đoạn đầu và giữa của công nghiệp hóa bởi vì cơ sở cho điều đó đã tồn tại sẵn ở xã hội phương Tây và bởi vì tránh thai và nạo thai tương đối an toàn đã giải thoát cho những người kết hôn muộn khỏi những điều phải xảy ra của cảnh độc thân trước hôn nhân. Dần dần, trong những giai đoạn sau của phát triển công nghiệp, tránh thai đã đạt được ưu thế đến độ tạo ra những giá trị thấp về sinh đẻ dựa trên những biên số không cần thiết khác (bao gồm nạo thai và kết hôn muộn).

CHÚ THÍCH

- 1) Mặc dù các nhà sinh lý học quan niệm có nhiều bước hơn trong quá trình sinh đẻ,

chúng có thể được gộp tất cả vào 3 bước chính ở đây. Chúng tôi chỉ lưu ý đến những bước của quá trình sinh đẻ mà bản thân chúng được nhận biết và ứng dụng về mặt xã hội.

2) Do quan hệ tình dục không giới hạn trong hôn nhân nên thuật ngữ "Sự liên kết về tình dục có vẻ được hướng về "hôn nhân". Sự liên kết ở đây được định nghĩa như một quan hệ tình dục khác thường trong đó những cuộc giao hợp thực sự xảy ra hoặc tình trạng kích thích cao độ được tạo ra ít nhất là đối với người đàn ông. ở mỗi xã hội có một kiểu liên kết (hôn nhân) ở đó việc sinh sản được mong đợi, được nhất trí và thậm chí còn được thích thú. Đồng thời mỗi xã hội cũng mang theo những rủi ro của những mối liên kết mà trong đó sự sinh sản bị chỉ trích bởi vì những mối liên kết thiếu một hình thức hôn nhân hợp pháp vi phạm một hoặc nhiều điều cấm kỵ về mặt thiết chế (ngoại tình, loạn luân, đẳng cấp hoặc chỉ được lấy người trong nội tộc... Xem K- Davis, "*Những hình thức không hợp pháp*". *Cưỡng bức xã hội*, tập 18, tháng 10 năm 1939. trang 77-89)- Trong những cặp được nhất trí và những cặp bị ngăn cấm mạnh mẽ có thể có những kiểu khác ở mức độ thấp hơn hôn nhân nhưng trong đó sinh đẻ vẫn thường xảy ra.

Những cặp như vậy trong một số trường hợp đại diện cho đa số những liên kết về sinh đẻ. Bất kỳ một phân tích xã hội học tương ứng nào về Sinh đẻ cũng phải theo các kiểu kết hợp khác nhau.

3) Nhưng biện pháp tránh thai ngoài những hiện pháp cơ học và hóa học gồm "biện pháp tính lịch" (biên pháp này có thể được phân loại như là kiêng tự nguyện). xuất tinh ngoài, phương pháp giả giao hợp không thâm nhập, và các phương pháp khác.

4) Bạn đọc lưu ý rằng bản liệt kê của các biến số của chúng ta không bao gồm chết sơ sinh hoặc chăm sóc trẻ. Nguyên do của các thiếu sót này là các phân tích của chúng ta đang tập trung vào các nhân tố ảnh hưởng đến mức sinh, đã được xác định một cách nghiêm túc. Tất nhiên chết sơ sinh ảnh hưởng đến kích thước gia đình và mức tăng tự nhiên và có thể cung cấp một sự thay đổi cho những nhân tố ảnh hưởng đến mức sinh. Do đó nó được đề cập ngắn gọn ở mức sau.

5) Thi dụ. Frank Lorimer, *Văn hóa và mức sinh của loài người*. Paris. 1954. đã không thành công trong việc làm rõ nhưng cách thức mà mức sinh có thể bị ảnh hưởng, đưa bức tranh mơ hồ về mức sinh đã bị ảnh hưởng như thế nào vào trong một vài cách thức. Bạn đọc có thể muốn so sánh trực tiếp và gián tiếp ảnh hưởng đến mức sinh được Raymond Pearl đưa ra trong phần cuối bài báo "*Những nhân tố sinh vật trong mức sinh*". *Sử biên niên của Viện Hàn lâm Mỹ nghiên cứu xa hội và chính trị*, Tập 188, tháng 11 năm 1936, trang 24.

Người dịch: NGUYỄN THỊ HƯƠNG